

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015



# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 32

---

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0113004118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên	
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên	
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên	
Ông Hoàng Tùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Thông	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên
Bà Phan Ngọc Bích Hằng	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

Bà Đặng Kiện Phương được Ông Đoàn Hồng Việt ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 theo Giấy Ủy quyền số 001/UQ\_HCMS/2015 ngày 1 tháng 1 năm 2015.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.



# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Giám đốc:

Đặng Kiên Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015



**Building a better  
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61150429/17793228

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thế Giới Số**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") được trình bày từ trang 4 đến trang 32 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Mai Việt Hùng Trần  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 0048-2013-004-1

Nguyễn Thanh Sang  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2015



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.454.086.597.773</b>	<b>1.207.162.476.422</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>43.385.032.139</b>	<b>68.267.019.973</b>
111	1. Tiền		43.385.032.139	68.267.019.973
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>4.900.000.000</b>	<b>4.900.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	4.900.000.000	4.900.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>655.717.955.458</b>	<b>307.993.814.798</b>
131	1. Phải thu khách hàng	6	523.535.335.841	291.606.496.058
132	2. Trả trước cho người bán		136.385.651.871	21.853.671.093
135	3. Các khoản phải thu khác		1.842.946.866	594.055.451
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(6.045.979.120)	(6.060.407.804)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>662.552.088.079</b>	<b>731.942.945.461</b>
141	1. Hàng tồn kho	7	662.552.088.079	731.942.945.461
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>87.531.522.097</b>	<b>94.058.696.190</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	5.980.713.010	1.573.082.052
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		80.291.920.161	85.919.866.413
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		153.149.414	49.739.241
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	9	1.105.739.512	6.516.008.484
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>84.537.645.379</b>	<b>85.559.069.207</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>81.786.069.600</b>	<b>83.374.408.181</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	24.595.129.778	26.028.463.429
222	Nguyên giá		41.003.876.635	41.003.876.635
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(16.408.746.857)	(14.975.413.206)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	57.190.939.822	57.345.944.752
228	Nguyên giá		58.509.622.898	58.509.622.898
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(1.318.683.076)	(1.163.678.146)
<b>260</b>	<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.751.575.779</b>	<b>2.184.661.026</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		546.995.299	480.080.546
268	2. Tài sản dài hạn khác		2.204.580.480	1.704.580.480
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.538.624.243.152</b>	<b>1.292.721.545.629</b>


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>950.378.809.501</b>	<b>957.962.429.143</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>923.918.379.622</b>	<b>928.031.999.264</b>
311	1. Vay ngắn hạn	12	420.369.246.113	603.104.506.391
312	2. Phải trả người bán		332.142.033.615	206.572.357.994
313	3. Người mua trả tiền trước		139.791.597.776	66.230.225.141
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	7.895.937.887	12.176.188.353
315	5. Phải trả người lao động		7.476.387.822	13.350.964.228
316	6. Chi phí phải trả		1.859.506.823	12.903.691.338
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	14.383.669.586	13.694.065.819
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>26.460.429.879</b>	<b>29.930.429.879</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		760.429.879	1.430.429.879
334	2. Vay dài hạn	15	25.700.000.000	28.500.000.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>588.245.433.651</b>	<b>334.759.116.486</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16.1</b>	<b>588.245.433.651</b>	<b>334.759.116.486</b>
411	1. Vốn cổ phần		235.836.690.000	108.024.690.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		152.717.941.416	35.549.217.650
414	3. Cổ phiếu quỹ		(6.272.937.166)	(82.850.613.400)
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		400.000.000	400.000.000
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		205.563.739.401	273.635.822.236
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.538.624.243.152</b>	<b>1.292.721.545.629</b>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đô la Mỹ (US\$)	102.882	401.754

  
Vũ Thị Mai Hân  
Người lập

  
Võ Xuân Huy  
Kế toán trưởng

  
  
Đặng Kiện Phương  
Phó Tổng Giám đốc


Ngày 12 tháng 8 năm 2015




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	17.1	2.109.225.333.312	2.120.376.598.576
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(17.102.848.526)	(28.947.040.677)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	17.1	2.092.122.484.786	2.091.429.557.899
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	20	(1.946.056.244.719)	(1.975.089.976.603)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		146.066.240.067	116.339.581.296
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	3.030.459.678	2.881.491.966
22	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	18	(22.693.780.521) (14.253.637.102)	(16.697.375.769) (11.130.317.365)
24	8. Chi phí bán hàng	20	(36.656.698.531)	(17.782.211.274)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(18.044.015.494)	(15.941.987.166)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		71.702.205.199	68.799.499.053
31	11. Thu nhập khác	19	5.752.853.314	9.619.387.777
32	12. Chi phí khác	19	(663.741.109)	(439.253.291)
40	13. Lợi nhuận khác	19	5.089.112.205	9.180.134.486
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		76.791.317.404	77.979.633.539
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	(17.051.400.239)	(17.254.794.067)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		59.739.917.165	60.724.839.472
70	17. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu	16.4	2.677,42	2.820

  
Vũ Thị Mai Hân  
Người lập

  
Võ Xuân Huy  
Kế toán trưởng



  
Đặng Kiên Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015


VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>76.791.317.404</b>	<b>77.979.633.539</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ	10,11	1.588.338.581	1.518.436.636
03	Hoàn nhập dự phòng		(14.428.684)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	17.2	(296.082.065)	(1.469.366.828)
06	Chi phí lãi vay	18	14.253.637.102	11.130.317.365
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>92.322.782.338</b>	<b>89.159.020.712</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(337.274.906.925)	53.482.135.697
10	Giảm hàng tồn kho		69.390.857.382	42.076.376.784
11	Tăng các khoản phải trả		182.842.234.623	12.747.983.827
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(4.474.545.711)	253.311.981
13	Lãi vay đã trả		(14.747.451.703)	(11.187.280.689)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21	(21.448.179.625)	(19.932.615.784)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(33.389.209.621)</b>	<b>166.598.932.528</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(197.915.200)
25	Tiền chi để mua cổ phiếu của đơn vị khác		-	(10.000.891.870)
27	Tiền thu lãi tiền gửi	17.2	296.082.065	1.469.366.828
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>296.082.065</b>	<b>(8.729.440.242)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	16.1	193.746.400.000	-
33	Tiền vay nhận được		1.541.730.963.937	1.503.087.636.807
34	Tiền chi trả nợ vay		(1.727.266.224.215)	(1.718.197.716.041)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>8.211.139.722</b>	<b>(215.110.079.234)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

VNĐ

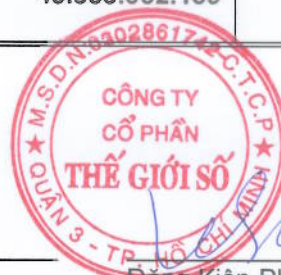
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
50	Giảm tiền thuần trong kỳ		(24.881.987.834)	(57.240.586.948)
60	Tiền đầu kỳ		68.267.019.973	151.491.929.805
70	Tiền cuối kỳ	4	43.385.032.139	94.251.342.857



Vũ Thị Mai Hân  
Người lập



Võ Xuân Huy  
Kế toán trưởng




Đặng Kiện Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0113004118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 330 (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 276).

***Cơ cấu tổ chức***

Công ty có hai công ty con, trong đó:

- *Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture ("DV")*

DV là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313309149 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015. DV có trụ sở chính tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty vẫn chưa góp vốn vào DV.

- *Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology ("DT")*

DT là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313318520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2015. DT có trụ sở chính tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ, DV vẫn chưa góp vốn vào DT.

Hoạt động chính đăng ký của hai công ty con là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành **bốn** Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành **bốn** Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Ngày 18 tháng 5 năm 2015, BTC ban hành Thông tư số 75/2015/TT-BT ("Thông tư 75") sửa đổi, bổ sung Điều 128 của Thông tư 200. Theo Thông tư 75, doanh nghiệp được lựa chọn lập báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2015 theo quy định tại Quyết định 15 hoặc theo quy định tại Thông tư 200. Do đó, Ban Giám đốc đã quyết định tiếp tục áp dụng Quyết định 15 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao và khấu trừ lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán giữa niên độ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

**3.7 Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và khấu trừ của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

##### Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

#### 3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.17 Thuế

##### Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Công cụ tài chính

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

##### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trừ với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản nợ vay.

##### *Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại theo Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

##### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

#### 3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc giả định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**4. TIỀN**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền mặt	366.037.664	211.058.530
Tiền gửi ngân hàng	<u>43.018.994.475</u>	<u>68.055.961.443</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>43.385.032.139</u></b>	<b><u>68.267.019.973</u></b>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp một phần tiền gửi ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Các khoản này thể hiện giá trị tiền gửi có kỳ hạn 1 năm vào Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam và hưởng lãi suất tiền gửi có thể áp dụng. Như đã trình bày trong Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp các khoản tiền này để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bên thứ ba	523.535.335.841	291.606.496.058
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(6.045.979.120)</u>	<u>(6.060.407.804)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>517.489.356.721</u></b>	<b><u>285.546.088.254</u></b>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Hàng hóa	572.290.961.149	605.472.785.089
Hàng gửi đi bán	11.419.300.935	12.475.474.899
Hàng mua đang đi đường	69.952.349.658	109.930.857.727
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	<u>8.889.476.337</u>	<u>4.063.827.746</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>662.552.088.079</u></b>	<b><u>731.942.945.461</u></b>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí hoạt động	4.599.798.630	1.284.603.146
Công cụ, dụng cụ	1.380.914.380	288.478.906
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.980.713.010</u></b>	<b><u>1.573.082.052</u></b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tạm ứng cho nhân viên	1.101.433.786	6.511.702.758
Tài sản thiếu chờ xử lý	4.305.726	4.305.726
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.105.739.512</u></b>	<b><u>6.516.008.484</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên thứ ba</i>	1.105.739.512	6.214.075.151
<i>Bên liên quan</i>	-	301.933.333

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VNĐ				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 30 tháng 6 năm 2015	21.183.180.735	1.092.473.365	15.994.938.106	2.733.284.429	41.003.876.635
<i>Trong đó:</i>					
<i>Cầm cố, thế chấp đi vay (Thuyết minh số 12 và 15)</i>	21.183.180.735	-	-	-	21.183.180.735
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	284.101.632	5.534.279.971	2.466.817.934	8.285.199.537
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	(4.534.451.228)	(468.626.498)	(7.328.209.038)	(2.644.126.442)	(14.975.413.206)
Khấu hao trong kỳ	(426.802.540)	(87.163.761)	(882.235.382)	(37.131.968)	(1.433.333.651)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	(4.961.253.768)	(555.790.259)	(8.210.444.420)	(2.681.258.410)	(16.408.746.857)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	16.648.729.507	623.846.867	8.666.729.068	89.157.987	26.028.463.429
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	16.221.926.967	536.683.106	7.784.493.686	52.026.019	24.595.129.778



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>56.550.000.000</u>	<u>1.959.622.898</u>	<u>58.509.622.898</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Cầm cố, thế chấp để đi vay (Thuyết minh số 15)</i>	56.550.000.000	-	56.550.000.000
<i>Đã khấu trừ hết</i>	-	219.127.200	219.127.200
<b>Giá trị khấu trừ lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	(1.163.678.146)	(1.163.678.146)
Khấu trừ trong kỳ	-	(155.004.930)	(155.004.930)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	-	<u>(1.318.683.076)</u>	<u>(1.318.683.076)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>56.550.000.000</u>	<u>795.944.752</u>	<u>57.345.944.752</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>56.550.000.000</u>	<u>640.939.822</u>	<u>57.190.939.822</u>

**12. VAY NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (*)	415.169.246.113	598.304.506.391
Vay dài hạn đến hạn trả ( <i>Thuyết minh số 15</i> )	5.200.000.000	4.800.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>420.369.246.113</b></u>	<u><b>603.104.506.391</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**12. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6	Ngày đến hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	năm 2015			
	VNĐ		%/ năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Sài Gòn	291.644.687.609	Từ ngày 16 tháng 7 năm 2015 đến ngày 18 tháng 9 năm 2015	Từ 4,8 đến 5,5	Một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	66.230.311.757	Từ ngày 6 tháng 7 năm 2015 đến ngày 3 tháng 8 năm 2015	Từ 4,2 đến 5,5	Tài sản cá nhân của một số cổ đông và tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh	38.900.000.000	Từ ngày 11 tháng 7 năm 2015 đến ngày 28 tháng 8 năm 2015	Từ 4,2 đến 5	Tài sản cá nhân của một số cổ đông, một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	18.394.246.747	Ngày 18 tháng 9 năm 2015	4,8	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại 284A và 282 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
	<b>415.169.246.113</b>			

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 21)	7.485.044.111	11.881.823.497
Thuế thu nhập cá nhân	410.893.776	294.364.856
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.895.937.887</b>	<b>12.176.188.353</b>

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Bên thứ ba	14.383.669.586	13.694.065.819



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**15. VAY DÀI HẠN**

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Vay dài hạn từ các ngân hàng	<u>30.900.000.000</u>	<u>33.300.000.000</u>
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn	25.700.000.000	28.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 12)	5.200.000.000	4.800.000.000

Công ty thực hiện vay dài hạn để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1	<u>30.900.000.000</u>	Hoàn trả trong vòng 20 lần thanh toán, hàng quý, cho đến 25 tháng 12 năm 2019	Thả nổi	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại 284A và 282 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**16.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

	VNĐ					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	108.024.690.000	37.179.604.250	(85.000.000.000)	400.000.000	189.445.922.918	250.050.217.168
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	60.724.839.472	60.724.839.472
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	108.024.690.000	37.179.604.250	(85.000.000.000)	400.000.000	250.170.762.390	310.775.056.640
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	108.024.690.000	35.549.217.650	(82.850.613.400)	400.000.000	273.635.822.236	334.759.116.486
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	117.168.723.766	76.577.676.234	-	-	193.746.400.000
Tăng vốn (**)	127.812.000.000	-	-	-	(127.812.000.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	59.739.917.165	59.739.917.165
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	235.836.690.000	152.717.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	205.563.739.401	588.245.433.651

(\*) Vào ngày 20 tháng 4 năm 2015, Công ty tái phát hành 1.849.100 cổ phiếu quỹ cho Cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường số 10/2014/NQ-ĐHĐCĐ/DGW ngày 15 tháng 10 năm 2014.

(\*\*) Vào ngày 13 tháng 5 năm 2015, Công ty thông báo phát hành 12.781.200 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường số 10/2014/NQ-ĐHĐCĐ/DGW ngày 15 tháng 10 năm 2014 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 18-2014/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2014. Nguồn vốn cho việc phát hành được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc phát hành đã được hoàn thành vào ngày 25 tháng 5 năm 2015, với tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 12.781.200 cổ phiếu. Vào ngày 12 tháng 6 năm 2015, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 235.836.690.000 VNĐ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**16.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	VNĐ	%	VNĐ	%
Công ty TNHH Created Future	88.000.000.000	37,56	50.000.000.000	56,81
PYN Fund Management Ltd	23.430.000.000	10,00	-	0,00
Bà Đặng Kien Phương	13.086.700.000	5,58	5.896.000.000	6,70
Ông Nguyễn Hoài Nam	11.026.400.000	4,71	5.012.000.000	5,69
Bà Vũ Thu Thủy	11.000.000.000	4,69	-	0,00
Ông Đoàn Anh Quân	10.824.000.000	4,62	4.920.000.000	5,59
Ông Đoàn Hồng Việt	10.352.100.000	4,42	4.631.000.000	5,26
Cổ đông khác	66.602.800.000	28,42	17.560.000.000	19,95
Cổ phiếu quỹ	1.514.690.000		20.005.690.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>235.836.690.000</b>		<b>108.024.690.000</b>	

**16.3 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Cổ phiếu đã được duyệt	23.583.669	10.802.469
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	23.583.669	10.802.469
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23.583.669	10.802.469
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(2.000.569)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151.469)	(2.000.569)
Cổ phiếu đang lưu hành	23.432.200	8.801.900
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23.432.200	8.801.900

**16.4 Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**16.4 Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (tiếp theo)**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	59.739.917.165	60.724.839.472
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (*)	22.318.654	21.531.200
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VNĐ/cổ phiếu)	2.677	2.820

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(\*) Tổng số cổ phiếu bình quân cho kỳ trước đã được điều chỉnh do việc phát hành thêm cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho cổ đông hiện hữu trong tháng 5 năm 2015.

**17. DOANH THU**

**17.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
<b>Tổng doanh thu:</b>	<b>2.109.225.333.312</b>	<b>2.120.376.598.576</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	2.101.702.154.467	2.101.669.069.406
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.523.178.845	18.707.529.170
<b>Trừ:</b>	<b>(17.102.848.526)</b>	<b>(28.947.040.677)</b>
Hàng bán bị trả lại	(17.102.848.526)	(28.947.040.677)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>2.092.122.484.786</b>	<b>2.091.429.557.899</b>

**17.2 Doanh thu tài chính**

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.250.512.962	1.400.577.059
Chiết khấu thanh toán	470.111.878	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	296.082.065	1.469.366.828
Khác	13.752.773	11.548.079
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.030.459.678</b>	<b>2.881.491.966</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí lãi vay phải trả	14.253.637.102	11.130.317.365
Chiết khấu thanh toán	5.586.689.652	4.753.680.649
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.853.453.767	813.360.308
Khác	-	17.447
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>22.693.780.521</u></b>	<b><u>16.697.375.769</u></b>

**19. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>5.752.853.314</b>	<b>9.619.387.777</b>
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	3.543.439.135	-
Bảo hiểm bồi thường	-	6.407.118.290
Khác	2.209.414.179	3.212.269.487
<b>Chi phí khác</b>	<b><u>(663.741.109)</u></b>	<b><u>(439.253.291)</u></b>
<b>THU NHẬP THUẦN</b>	<b><u>5.089.112.205</u></b>	<b><u>9.180.134.486</u></b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Giá mua hàng hóa	1.948.428.431.010	1.969.247.169.534
Chi phí nhân công	25.816.664.197	20.698.042.897
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.170.890.326	16.745.779.246
Chi phí khấu hao và khấu trừ	960.175.157	1.102.824.854
Chi phí khác	13.380.798.054	1.020.358.512
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.000.756.958.744</u></b>	<b><u>2.008.814.175.043</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và thu nhập chịu thuế ước tính:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
<b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>76.791.317.404</b>	<b>77.979.633.539</b>
<i>Các điều chỉnh</i>		
Chi phí không được khấu trừ	714.489.468	451.248.583
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế của kỳ trước	<u>(3.543.439.135)</u>	<u>-</u>
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>73.962.367.737</b>	<b>78.430.882.122</b>
<b>Thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành</b>	<b>16.271.720.902</b>	<b>17.254.794.067</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu của kỳ trước	<u>779.679.337</u>	<u>-</u>
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành</b>	<b>17.051.400.239</b>	<b>17.254.794.067</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	11.881.823.497	12.341.138.260
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	<u>(21.448.179.625)</u>	<u>(19.932.615.784)</u>
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b><u>7.485.044.111</u></b>	<b><u>9.663.316.543</u></b>

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong kỳ bao gồm:

			VNĐ	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>		
Công ty TNHH Created Future	Nhà đầu tư	Mua hàng hóa	182.150.427.207	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải trả bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VNĐ	
			30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Công ty TNHH Created Future	Nhà đầu tư	Mua hàng hóa	200.365.469.927	-

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

*Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc*

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lương và thưởng	1.549.698.150	2.902.486.400
Các phúc lợi khác	7.145.454	7.145.454
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.556.843.604</b>	<b>2.909.631.854</b>

**23. CÁC CAM KẾT**

*Cam kết thuê hoạt động*

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Dưới 1 năm	7.138.775.727	4.711.758.598
Từ 1 đến 5 năm	8.293.851.750	2.663.541.918
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.432.627.477</b>	<b>7.375.300.516</b>

*Cam kết góp vốn*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có khoản cam kết góp vốn như sau:

Công ty nhận đầu tư	Vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty		Vốn thực góp	Phần vốn cam kết còn phải góp
		Số tiền	%		
		VNĐ	VNĐ		
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	100.000.000.000	100.000.000.000	100	-	100.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

## 24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với rủi ro ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty vào ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng*** (tiếp theo)

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Ban Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	VND		
	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 năm đến 5 năm</i>	<i>Tổng</i>
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>			
Vay	420.369.246.113	25.700.000.000	446.069.246.113
Phải trả người bán	332.142.033.615	-	332.142.033.615
Khoản phải trả khác và chi phí phải trả	16.243.176.409	-	16.243.176.409
	<b><u>768.754.456.137</u></b>	<b><u>25.700.000.000</u></b>	<b><u>794.454.456.137</u></b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Vay	603.104.506.391	28.500.000.000	631.604.506.391
Phải trả người bán	206.572.357.994	-	206.572.357.994
Khoản phải trả khác và chi phí phải trả	26.597.757.157	-	26.597.757.157
	<b><u>836.274.621.542</u></b>	<b><u>28.500.000.000</u></b>	<b><u>864.774.621.542</u></b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Tài sản đảm bảo***

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất, các khoản tiền gửi ngắn hạn ngân hàng, một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 12 và 15*).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>		VNĐ
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>			
<b>Tài sản tài chính</b>							
Tiền gửi có kỳ hạn	4.900.000.000	-	4.900.000.000	-	4.900.000.000	4.900.000.000	
Phải thu khách hàng	523.535.335.841	(6.045.979.120)	291.606.496.058	(6.060.407.804)	517.489.356.721	285.546.088.254	
Các khoản phải thu khác	1.358.187.076	-	594.055.451	-	1.358.187.076	594.055.451	
Tiền	43.385.032.139	-	68.267.019.973	-	43.385.032.139	68.267.019.973	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>573.178.555.056</b>	<b>(6.045.979.120)</b>	<b>365.367.571.482</b>	<b>(6.060.407.804)</b>	<b>567.132.575.936</b>	<b>359.307.163.678</b>	

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>		VNĐ
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	
	<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay	446.069.246.113	631.604.506.391	446.069.246.113	631.604.506.391	
Phải trả người bán	131.776.563.688	206.572.357.994	131.776.563.688	206.572.357.994	
Phải trả bên liên quan	16.243.176.409	-	16.243.176.409	-	
Khoản phải trả khác và chi phí phải trả	200.365.469.927	26.597.757.157	200.365.469.927	26.597.757.157	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>794.454.456.137</b>	<b>864.774.621.542</b>	<b>794.454.456.137</b>	<b>864.774.621.542</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

**25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán, nợ phải trả ngắn hạn khác và các khoản vay ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Ngoại trừ các khoản được đề cập trong đoạn trên, giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính này không chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**26. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Vào ngày 24 tháng 7 năm 2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 308/QĐ-SGDHCM ban hành bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận việc niêm yết 25.583.669 cổ phiếu của Công ty trên Sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Thông báo số 772/TB-SGDHCM ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty sẽ được giao dịch lần đầu tiên vào ngày 3 tháng 8 năm 2015 với mức giá khởi điểm dự kiến là 52.000 VND/cổ phiếu.

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Thị Mai Hân  
Người lập



Võ Xuân Huy  
Kế toán trưởng



Đặng Kiên Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015